

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2. Ông **Trương Thoại Lượng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Bà **Kim Thị Cẩm Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Văn M**, sinh năm 1983 (*có mặt*).

Địa chỉ số: Ấp Xây Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Trúc G**, sinh năm 1984 (*vắng mặt*).

Địa chỉ số: Ấp Xây Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/09/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông **Lâm Văn M** trình bày:

Ông **M** và bà **G** tổ chức đám cưới năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ông **M** và bà **G** chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Đến ngày 01/01/2011, thì bà **G** bỏ nhà đi, dẫn theo 02 đứa con, ông **M** đi tìm kiếm, hỏi thăm bạn bè cha mẹ hai bên, nhưng không ai biết về thông tin của bà **G** cùng với 02 đứa con. Sau đó ông **M** có đơn yêu cầu Tòa án tuyển bố bà **G** mất tích, Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm bà **G** trên báo và Đài phát thanh của Trung ương theo quy định của pháp luật, nhưng cũng không

có tin tức gì của bà G và Tòa án đã tuyên bố bà Phạm Trúc G mất tích từ ngày 01/8/2017.

Đến ngày 16/11/2017, ông M có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với 02 con: Lâm Thị Trúc N, sinh ngày 17/9/2005, Lâm Chí N, sinh ngày 17/10/2007, Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm 02 cháu: Lâm Thị Trúc N và Lâm Chí N trên báo và Đài phát thanh của Trung ương theo quy định của pháp luật, nhưng cũng không có tin tức gì của 02 cháu: Lâm Thị Trúc N, Lâm Chí N và Tòa án đã tuyên bố 02 cháu: Lâm Thị Trúc N và Lâm Chí N mất tích từ ngày 08/10/2018.

Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Phạm Trúc G

Về con chung: Ông M khai trong thời gian sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên:

1/ Lâm Thị Trúc N, sinh ngày 17/9/2005;

2/ Lâm Chí N, sinh ngày 17/10/2007.

Đã tuyên bố 02 cháu: Lâm Thị Trúc N và Lâm Chí N mất tích, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về tố tụng: Do bà G đã được Tòa án tuyên bố mất tích, nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án trên không tiến hành hòa giải được; áp dụng Điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án " Tranh chấp ly hôn và nuôi con" là chưa chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử xác định lại đây là quan hệ pháp luật " Tranh chấp ly hôn" với người đã tuyên bố mất tích; còn đối với 02 đứa con: Lâm Thị Trúc N và Lâm Chí N đã được Tòa án tuyên bố mất tích, nên ông M không yêu cầu Tòa án xem xét.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà G là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống bà G bỏ nhà đi và dẫn theo 02 con chung tên: Lâm Thị Trúc Ngân, Lâm Chí Nguyên. Căn cứ quyết định số: 01/2017/QĐDS-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên bố Phạm Trúc G mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày Tòa án mở phiên Tòa xét xử bà Phạm Trúc G vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn với bà G là có căn cứ.

[4] Về con chung: Ông M xác nhận, ông và bà G có 02 con chung tên: Lâm Thị Trúc Ng, Lâm Chí N; khi bà G bỏ nhà đi dẫn theo 02 con, nên ông đã yêu cầu Tòa án tuyên bố 02 cháu: Lâm Thị Trúc N, Lâm Chí N mất tích. Căn cứ

quyết định số: 01/2018/QĐST- VDS ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên bố: Lâm Thị Trúc N, Lâm Chí N mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, nên ông M không yêu cầu Tòa án xem xét đối với 02 cháu: Lâm Thị Trúc N, Lâm Chí N, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án ông M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án àn cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn M đối với bị đơn bà Phạm Trúc G về việc "tranh chấp ly hôn", nguyên đơn ông Lâm Văn M được ly hôn với bị đơn bà Phạm Trúc G. Về con chung: Cháu Lâm Thị Trúc N, Lâm Chí N đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên bố mất tích, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 2, Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn M.

- *Về hôn nhân:* Ông Lâm Văn M được ly hôn với người bị tuyên bố mất tích là bà Phạm Trúc G.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên: Lâm Thị Trúc N, sinh ngày 17/9/2005 và Lâm Chí N, sinh ngày 17/10/2007(đã tuyên bố mất tích), không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Lâm Văn M phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006986,

ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

